

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯƠNG MỸ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **235/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-6-2020

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **24** tháng **6** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐHPTST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Chị TTH**, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký HKTT: thôn N, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Đội 5, thôn 2, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

**\* Bị đơn: Anh NLH1**, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn N, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

***Tại phiên tòa: Chị TTH có mặt; anh NLH1 vắng mặt không có lý do.***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - chị TTH trình bày:***

***Về hôn nhân:*** Chị và anh NLH1 kết hôn năm 2011 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 31/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh NLH1 tại thôn N, xã N, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên mâu

thuần, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên không nói chuyện, chia sẻ được với nhau, anh NLH1 không lo lắng gì đến gia đình và con cái, không chăm lo kinh tế cho gia đình. Chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại Đội 5, thôn 2, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sống từ năm 2017 đến nay, không ai quan đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh NLH1 để ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Chị và anh NLH1 có 02 con chung là cháu NTNA, sinh ngày 16/9/2012 và cháu NMA1, sinh ngày 09/11/2015. Hiện cả 02 cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện nuôi cả 02 cháu. Nếu được nuôi con, chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nghề may, thu nhập khoảng 6 triệu/tháng, Chị H đang ở với bố mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi, đủ điều kiện sinh hoạt và các cháu cũng đã ở ổn định với chị từ năm 2017 đến nay.

*Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Chị không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn - anh NLH1 đã được tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

*\* Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/3/2020, ông NVD là bố đẻ anh NLH1 trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh NLH1 và chị TTH kết hôn năm 2011 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chương Mỹ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình ông tại thôn N, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống với nhau ông thấy giữa anh H1 và Chị H có mâu thuẫn, cãi nhau và có xô xát nhưng theo ông đó là chuyện bình thường trong cuộc sống vợ chồng. Năm 2017, Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại Đội 5, thôn 2, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sống. Nay Chị H xin ly hôn thì ông không có ý kiến gì mà để tùy anh NLH1 và Chị H quyết định.

*Về con chung:* Vợ chồng anh NLH1 và chị TTH có 02 con chung là cháu NTNA, sinh ngày 16/9/2012 và cháu NMA1, sinh ngày 09/11/2015. Hiện cả 02 cháu đang ở với Chị H. Ly hôn Chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung thì ông D cũng đồng ý nhưng Chị H phải cho các cháu lên thăm ông bà nội thường xuyên.

*Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Anh NLH1 và chị TTH sống cùng gia đình ông nên không có tài sản gì.

*Tại phiên tòa:* Chị TTH giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh NLH1; chị TTH giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu NTNA, sinh ngày 16/9/2012 và cháu NMA1, sinh ngày 09/11/2015 và không yêu cầu anh NLH1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị TTH không yêu cầu giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các đương sự: Chị TTH đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh NLH1 không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TTH và cho chị TTH được ly hôn anh NLH1; *Về con chung:* Đề nghị giao cháu NTNA và cháu NMA1 cho chị TTH nuôi dưỡng cho đến khi cháu NA và cháu MA1 tròn 18 tuổi. Anh NLH1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chị TTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Anh NLH1 hiện cư trú tại: thôn N, xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*Về sự vắng mặt của anh NLH1:* Anh NLH1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh NLH1 vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh NLH1.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị TTH và anh NLH1 kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa Chị H và anh H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo Chị H thì giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Đội 5, thôn 2, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sống từ năm 2017 và vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, việc Chị H và anh H1 ly thân từ năm 2016 đến nay được ông NVD (bố đẻ anh NLH1) thừa nhận.

Nhận thấy: Chị TTH và anh NLH1 đã ly thân một thời gian dài (từ năm 2016), giữa Chị H và anh H1 không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong

muốn đoàn tụ từ hai phía (Chị H và anh H1), nay Chị H không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa Chị H và anh H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị H và cho Chị H được ly hôn anh H1 để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị TTH và anh NLH1 có 02 con chung là cháu NTNA, sinh ngày 16/9/2012 và cháu NMA1, sinh ngày 09/11/2015. Hiện cả 02 cháu NA và Cháu MA1 đang sống cùng chị TTH. Ly hôn, Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu NA và Cháu MA1. Xét thấy, các cháu NA và Cháu MA1 đã ở cùng Chị H từ khi vợ chồng ly thân năm 2016 nên cần chấp nhận nguyện vọng của Chị H và giao các cháu NA và Cháu MA1 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu NA và Cháu MA1 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NLH1 có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh NLH1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh NLH1 cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị TTH không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trong trường hợp anh NLH1 có yêu cầu về tài sản chung, công sức, công nợ sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[2.5] Về án phí: Chị TTH phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

**1. Về hôn nhân:** Chị TTH được ly hôn anh NLH1.

**2. Về con chung:** Chị TTH và anh NLH1 có 02 con chung là cháu NTNA, sinh ngày 16/9/2012 và cháu NMA1, sinh ngày 09/11/2015.

Giao cháu NTNA, sinh ngày 16/9/2012 và cháu NMA1, sinh ngày 09/11/2015 cho chị TTH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu NA và Cháu MA1 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác.

Anh NLH1 có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng:** Anh NLH1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh NLH1 cho đến khi các bên có yêu cầu.

**4. Về tài sản, công nợ chung, công sức:** Không xem xét.

**5. Về án phí:** Chị TTH phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị TTH đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004597 ngày 09 tháng 3 năm 2020*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

**6. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, chị TTH có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh NLH1 có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã N, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hoàng Long**